

Số: 345/2026/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 263/2026/TLST-HNGĐ ngày 13/03/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5- Hà Nội, về việc: Ly hôn, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị T**, sinh năm 1986;

Nơi cư trú: Số nhà 27 ngõ 266/6 N, tổ 7 phường B, thành phố Hà Nội.

Căn cước công dân số 003418601xxxx; ngày cấp 28/6/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Bị đơn: Anh **Hoàng Anh M**, sinh năm 1983;

Nơi cư trú: Số nhà 27 ngõ 266/6 N, tổ 7 phường B, thành phố Hà Nội.

Căn cước công dân số 01908300xxxx; ngày cấp 07/01/2025; nơi cấp: Bộ Công an.

- Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.
- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 03 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 03 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Bùi Thị Th**, sinh năm 1986 và

anh **Hoàng Anh M**, sinh năm 1983.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. **Về con chung:** Chị Bùi Thị T và anh Hoàng Anh M cùng xác nhận vợ chồng có 01 con chung là: Hoàng Minh Q, sinh ngày 07/12/2010. Khi ly hôn, chị Bùi Thị T và anh Hoàng Anh M thống nhất thỏa thuận: Giao cho chị Bùi Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Hoàng Minh Q

Anh Hoàng Anh M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T là 5.000.000 đồng/tháng kể từ thời điểm vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu Hoàng Minh Q trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác về cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Anh Hoàng Anh M có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

2.2. **Về tài sản chung, công sức, nợ:** Chị Bùi Thị T và anh Hoàng Anh M thống nhất xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

3. **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Ghi nhận sự tự nguyện của chị Bùi Thị T chịu cả 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí ký hiệu BLTU/26E, số 0005450 ngày 10/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Xác nhận chị Bùi Thị T đã nộp đủ tiền án phí.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 5 – Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 5 – Hà Nội;
- UBND phường B, thành phố Hà Nội (theo GCNKH quyền số 01, số 47, ngày 04/3/2010);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Kim Oanh